

**CÔNG TY TNHH  
HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024



**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn,  
phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 23

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Prateek Aggarwal	Chủ tịch
Ông Shiv Kumar Walia	Thành viên
Ông Goutam Rungta	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2023)
Ông Sundaram Sridharan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Goutam Rungta	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2023)
Bà Phạm Thị Ngọc Linh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2024)
Ông Sundaram Sridharan	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2023)
Ông Bùi Tiến Long	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2024)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Goutam Rungta**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024



Số: 682/2024/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng thành viên  
Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 06 năm 2024 từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024



**Lê Việt Hà**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4732-2024-026-1

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn,  
phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>Tại ngày 01/04/2023</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.270.665.986</b>	<b>28.574.991.413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.803.931.667</b>	<b>8.038.800.282</b>
1. Tiền	111	4.1	24.803.931.667	8.038.800.282
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.187.193.565</b>	<b>16.339.847.943</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	33.831.777.711	16.413.868.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		776.111.991	1.184.508.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		30.190.587	30.928.979
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(450.886.724)	(1.289.457.654)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.802.088.208</b>	<b>953.316.656</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.802.088.208	953.316.656
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.477.452.546</b>	<b>3.243.026.532</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.577.155	142.704.597
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.9	1.119.127.601	3.100.321.935
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	304.747.790	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.647.478.347</b>	<b>13.968.956.954</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.991.570.022</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	2.991.570.022	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.685.842.493</b>	<b>8.734.544.413</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	6.685.842.493	8.734.544.413
Nguyên giá	222		10.744.092.008	10.762.487.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.058.249.515)	(2.027.943.432)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.970.065.832</b>	<b>5.234.412.541</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	3.849.190.622	4.335.021.365
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		120.875.210	899.391.176
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>75.918.144.333</b>	<b>42.543.948.367</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn,  
phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.076.130.696</b>	<b>36.057.313.150</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.076.130.696</b>	<b>30.154.313.150</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	43.724.497.076	17.652.915.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	5.497.730.534	6.121.030.637
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	1.324.252.344	650.459.155
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	8.704.418.680	5.064.301.809
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.11	1.628.732.062	665.606.060
6. Vay ngắn hạn	320	4.12	6.196.500.000	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>5.903.000.000</b>
1. Vay dài hạn	338	4.12	-	5.903.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.842.013.637</b>	<b>6.486.635.217</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>8.842.013.637</b>	<b>6.486.635.217</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.144.500.000	1.144.500.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.697.513.637	5.342.135.217
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.342.135.217	4.460.967.482
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.355.378.420	881.167.735
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>75.918.144.333</b>	<b>42.543.948.367</b>

Phê duyệt

Người lập



**Goutam Rungta**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Thảo**  
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn,  
phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	58.301.721.058	24.494.387.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		14.469.997	2.110.536
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.287.251.061	24.492.276.503
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	52.235.223.167	20.783.570.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.052.027.894	3.708.706.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		298.844.668	654.361.327
7. Chi phí tài chính	22	5.3	1.195.892.828	1.311.729.513
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>405.472.704</i>	<i>293.368.167</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	2.162.930.735	1.940.917.563
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.992.048.999	1.110.420.687
10. Thu nhập khác	31		-	2.663.162
11. Chi phí khác	32		1.170.268	563.917
12. Lợi nhuận khác	40		(1.170.268)	2.099.245
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.990.878.731	1.112.519.932
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	(143.015.655)	822.280.217
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		778.515.966	(590.928.020)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.355.378.420	881.167.735

Phê duyệt

Người lập



Goutam Rungta  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo  
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn,  
phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.990.878.731	1.112.519.932
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.5	2.212.070.372	1.496.823.376
Các khoản dự phòng	03	5.5	(838.570.930)	1.001.004.407
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	777.891.474	194.776.077
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.957.909)	(2.938.246)
Chi phí lãi vay	06	5.3	405.472.704	293.368.167
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.541.784.442	4.095.553.713
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.608.756.743)	(6.369.221.472)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(848.771.552)	441.161.652
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		30.644.283.838	10.193.479.355
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		393.193.896	(1.459.514.905)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(380.956.242)	(469.181.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.740.777.639	6.432.276.413
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21		18.395.837	(9.394.471.118)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.957.909	2.938.246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.353.746	(9.391.532.872)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)</b>	50		16.765.131.385	(2.959.256.459)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.038.800.282	11.011.692.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(13.636.136)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)</b>	70	4.1	24.803.931.667	8.038.800.282

Phê duyệt  
  
Goutam Rungta  
Tổng Giám đốc

Người lập

  
Nguyễn Thị Thảo  
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5438725492 ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 02 năm 2020;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315017737 ngày 27 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 05 năm 2024 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50.000 USD (tương đương 1.137.500.000 VND), được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
		Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)
HCL Technologies UK Limited	Anh	50.000	100,00	50.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 6 (31/03/2023: 6).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính;
- Dịch vụ tư vấn phát triển và thực hiện phần mềm;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cơ sở dữ liệu và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin;
- Dịch vụ máy tính khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 04 năm trước đến ngày 31 tháng 03 năm nay.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá Bloomberg.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho thiết bị, dụng cụ quản lý là 05 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là công cụ dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm.

**3.11. Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**3.12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.13. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

**3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí dịch vụ mua ngoài (phí dịch vụ chuyên ngành,...).

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu                    0%
- Nội địa                        10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	<b>Tại ngày 31/03/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2023 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.803.931.667	8.038.800.282

**4.2. Phải thu của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/03/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2023 VND</b>
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	17.888.717.924	7.747.046.931
Phải thu từ khách hàng:		
Hitachi Energy Ltd.	7.149.283.977	1.241.321.528
Aktiebolaget SKF	2.090.488.289	386.540.719
Các khách hàng khác (*)	6.703.287.521	7.038.959.252
<b>Cộng</b>	<b>33.831.777.711</b>	<b>16.413.868.430</b>
Dài hạn:		
Hitachi Energy Ltd.	2.689.808.672	-
Các khách hàng khác (*)	301.761.350	-
<b>Cộng</b>	<b>2.991.570.022</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn và dài hạn.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.054.766.690	2.603.879.966	2.411.957.074	1.122.499.420

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Aktiebolaget SKF	2.090.488.289	1.703.947.570	386.540.719	250.270.820
Các khách hàng khác	964.278.401	899.932.396	2.025.416.355	872.228.600
<b>Cộng</b>	<b>3.054.766.690</b>	<b>2.603.879.966</b>	<b>2.411.957.074</b>	<b>1.122.499.420</b>

**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.767.441.157	-	724.365.985	-
Hàng hóa	34.647.051	-	228.950.671	-
<b>Cộng</b>	<b>1.802.088.208</b>	<b>-</b>	<b>953.316.656</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/04/2023	10.762.487.845
Mua trong năm	270.564.695
Giảm khác	(288.960.532)
<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>10.744.092.008</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/04/2023	2.027.943.432
Khấu hao trong năm	2.212.070.372
Giảm khác	(181.764.289)
<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>4.058.249.515</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/04/2023	8.734.544.413
<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>6.685.842.493</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 540.032.195 VND.

**4.6. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.849.190.622	4.335.021.365

**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	43.050.025.125	43.050.025.125	17.363.040.532	17.363.040.532
Phải trả cho các đối tượng khác	674.471.951	674.471.951	289.874.957	289.874.957
<b>Cộng</b>	<b>43.724.497.076</b>	<b>43.724.497.076</b>	<b>17.652.915.489</b>	<b>17.652.915.489</b>

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Người mua trả trước ngắn hạn**

Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
4.096.135.342	4.719.435.445
1.401.119.974	1.401.119.974
475.218	475.218
<b>5.497.730.534</b>	<b>6.121.030.637</b>

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6  
IBM Corporation  
Các khách hàng khác

**Cộng****4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

Tại ngày 31/03/2024 VND	Số phát sinh VND	Số không được khấu trừ VND	Số đã khấu trừ VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
1.119.127.601	2.252.340.294	(1.266.638.958)	(2.966.895.670)	3.100.321.935

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Tại ngày 31/03/2024 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Phải thu	Phải nộp	Phải nộp
304.747.790	(143.015.655)	219.224.107
-	25.552.875	-
-	875.923.995	431.235.048
1.307.159.043	-	-
<b>304.747.790</b>	<b>758.461.215</b>	<b>650.459.155</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

**Cộng**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 6	1.177.704.069	725.212.593
Chi phí dịch vụ IT từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	4.882.146.079	511.406.689
Chi phí dịch vụ IT từ bên thứ ba	1.909.170.152	2.359.352.098
Chi phí phải trả khác	735.398.380	1.468.330.429
<b>Cộng</b>	<b>8.704.418.680</b>	<b>5.064.301.809</b>

**4.11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Doanh thu nhận trước tiền cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm	1.628.732.062	665.606.060

**4.12. Vay**

Là khoản vay từ bên liên quan - Xem thêm Mục 6, được chi tiết như sau:

Số tiền vay:	6.196.500.000 VND (tương đương 250.000,00 USD)
Thời hạn vay:	6 năm (từ ngày 16 tháng 08 năm 2018 đến ngày 16 tháng 08 năm 2024)
Lãi suất:	Libor + 100 bps
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo:	Không có tài sản đảm bảo

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/04/2022	1.144.500.000	4.460.967.482	5.605.467.482
Lãi trong năm trước	-	881.167.735	881.167.735
Tại ngày 01/04/2023	1.144.500.000	5.342.135.217	6.486.635.217
Lãi trong năm nay	-	2.355.378.420	2.355.378.420
<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>1.144.500.000</b>	<b>7.697.513.637</b>	<b>8.842.013.637</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	185.908,03	87.411,13

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.301.721.058	24.494.387.039
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	15.257.894.105	12.625.598.852

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	52.235.223.167	20.783.570.067

**5.3. Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 6	405.472.704	293.368.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.528.650	823.585.269
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	777.891.474	194.776.077
<b>Cộng</b>	<b>1.195.892.828</b>	<b>1.311.729.513</b>

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thuế, phí và lệ phí	1.988.653.002	151.174.317
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(838.570.930)	1.289.457.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.012.848.663	500.285.592
<i>Chi phí dịch vụ chuyên ngành</i>	775.827.728	420.868.230
<i>Chi phí khác</i>	237.020.935	79.417.362
<b>Cộng</b>	<b>2.162.930.735</b>	<b>1.940.917.563</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Chi phí mua hàng	10.330.635.989	1.764.974.217
Chi phí nhân công	2.309.885.130	2.323.888.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.212.070.372	1.496.823.376
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(838.570.930)	1.001.004.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.384.133.341	16.137.797.324
<b>Cộng</b>	<b>54.398.153.902</b>	<b>22.724.487.630</b>

**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	822.558.773
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(143.015.655)	(278.556)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(143.015.655)</b>	<b>822.280.217</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.990.878.731	1.112.519.932
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	(4.048.266.765)	5.183.848.219
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.183.574.286)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.057.388.034)	4.112.793.865
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>822.558.773</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                                   |
|---|-----------------------------------|
| 1. HCL Technologies Limited                       | Công ty mẹ sau cùng               |
| 2. HCL Technologies UK Limited                    | Công ty mẹ                        |
| 3. Các công ty thành viên trong cùng Tập đoàn HCL | Công ty thành viên thuộc Tập đoàn |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/03/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2023 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
HCL Technologies Limited	9.612.341.465	-
Công ty TNHH HCL Việt Nam	2.772.215.236	95.347.806
HCL Latin America Holding LLC - Panama Branch	1.590.556.624	1.675.472.625
HCL Axon Solutions (Shanghai) Co. Ltd.	1.344.203.544	628.792.455
Các bên liên quan khác	2.569.401.055	5.347.434.045
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.2</b>	<b>17.888.717.924</b>	<b>7.747.046.931</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty TNHH HCL Việt Nam	776.111.991	1.126.110.265
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
HCL Technologies Limited	(21.032.391.569)	(11.229.083.890)
HCL Singapore Pte Limited	(3.251.940.704)	(590.599.503)
HCL Technologies Solutions GmbH	(2.492.808.199)	(44.108.809)
HCL Technologies (Shanghai) Limited	(2.045.632.509)	(554.374.154)
Các bên liên quan khác	(14.227.252.144)	(4.944.874.176)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.7</b>	<b>(43.050.025.125)</b>	<b>(17.363.040.532)</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn:</b>		
HCL Japan Limited	(3.160.799.051)	(2.984.119.311)
HCL Technologies (PTY) Limited	(501.166.476)	(474.678.616)
Các bên liên quan khác	(434.169.815)	(1.260.637.518)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.8</b>	<b>(4.096.135.342)</b>	<b>(4.719.435.445)</b>
<b>Chi phí lãi vay phải trả - Xem thêm Mục 4.10:</b>		
HCL Singapore Pte Limited	(1.177.704.069)	(725.212.593)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
HCL Technologies Limited	(4.759.232.305)	(46.697.423)
Telerx Marketing Inc.	(122.913.774)	-
HCL Technologies Bulgaria Eood	-	(225.413.948)
HCL Guatemala, Sociedad Anónima	-	154.766.561)
HCL Technologies Romania s.r.l.	-	(84.528.757)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.10</b>	<b>(4.882.146.079)</b>	<b>(511.406.689)</b>
Vay - Xem thêm Mục 4.12:		
HCL Singapore Pte Limited	(6.196.500.000)	(5.903.000.000)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
HCL Technologies Limited	9.642.832.003	10.663.040
Các bên liên quan khác	5.615.062.102	12.614.935.812
<b>Cộng - Xem thêm Mục 5.1</b>	<b>15.257.894.105</b>	<b>12.625.598.852</b>
Mua dịch vụ:		
HCL Technologies Limited	14.282.747.663	4.612.466.612
HCL Singapore Pte Limited	2.642.647.137	166.447.247
HCL Technologies Solutions GmbH	2.380.255.369	-
HCL Technologies (Shanghai) Limited	1.472.497.225	-
HCL Istanbul Bilisim Teknolojileri Limited Sirketi	1.171.189.889	-
Telerx Marketing Inc.	1.094.179.790	81.477.440
Các bên liên quan khác	7.013.526.561	2.704.881.432
<b>Cộng</b>	<b>30.057.043.634</b>	<b>7.565.272.731</b>
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 5.3:		
HCL Singapore Pte Limited	405.472.704	293.368.167

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**Phê duyệt**

**Người lập**



**Goutam Rungta**  
**Tổng Giám đốc**

A handwritten signature in black ink, appearing to read "N.Thao".

**Nguyễn Thị Thảo**  
**Phụ trách Kế toán**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024